

Số: ~~67~~/QĐ-BQL

Ninh Bình, ngày 05 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Theo đề nghị của Văn phòng ban.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Văn phòng; thành viên Ban Chỉ đạo ISO; các phòng, đơn vị và CBCC, người lao động thuộc Ban chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở KH&CN (để báo cáo);
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN



Hoàng Đức Long

DANH MỤC
TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015

(Đính kèm Quyết định số 67/QĐ-BQLCKCN ngày 5/11/2020 của Trưởng
Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
I. THỦ TỤC MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG				
1.	Chính sách chất lượng	CSCL	01	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01	
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	01	
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	01	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	01	
7.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT-04	01	
II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1. Phòng Quản lý đầu tư				
8.	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT-01/ĐT	01	
9.	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT-02/ĐT	01	
10.	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT-03/ĐT	01	

11.	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT-04/ĐT	01	
12.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	QT-05/ĐT	01	
13.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	QT-06/ĐT	01	
14.	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	QT-07/ĐT	01	
15.	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT-08/ĐT	01	
16.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	QT-09/ĐT	01	
17.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	QT-10/ĐT	01	
18.	Chuyển nhượng dự án đầu tư	QT-11/ĐT	01	
19.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	QT-12/ĐT	01	
20.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	QT-13/ĐT	01	
21.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT-14/ĐT	01	
22.	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT-15/ĐT	01	
23.	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT-16/ĐT	01	
24.	Giãn tiến độ đầu tư	QT-17/ĐT	01	
25.	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	QT-18/ĐT	01	
26.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	QT-19/ĐT	01	
27.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT-20/ĐT	01	
28.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT-21/ĐT	01	
29.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án	QT-22/ĐT	01	

	hoạt động theo giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương			
30.	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	QT-23/ĐT	01	
31.	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	QT-24/ĐT	01	
32.	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý các khu công nghiệp	QT-25/ĐT	01	
33.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý các khu công nghiệp	QT-26/ĐT	01	
2. Phòng Quản lý tài nguyên và Môi trường				
34.	Thẩm định phê duyệt báo cáo ĐTM	QT-01/MT	01	
35.	Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	QT-02/MT	01	
36.	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định báo cáo ĐTM	QT-03/MT	01	
37.	Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án	QT-04/MT	01	
3. Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng				
38.	Cấp giấy phép xây dựng	QT-01/QHXD	01	
39.	Điều chỉnh phép xây dựng	QT-02/QHXD	01	
40.	Cấp lại giấy phép xây dựng	QT-03/QHXD	01	
41.	Gia hạn giấy phép xây dựng	QT-04/QHXD	01	
42.	Thẩm định thiết kế cơ sở dự án nhóm B, C	QT-05/QHXD	01	
43.	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình cấp III, IV	QT-06/QHXD	01	
4. Phòng Quản lý Doanh nghiệp				
44.	Cấp giấy phép lao động cho lao động người nước ngoài làm việc trong các Khu công nghiệp	QT-01/DN	01	

45.	Cấp lại giấy phép lao động cho lao động người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp	QT-02/DN	01	
46.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động tại các doanh nghiệp trong KCN	QT-03/DN	01	
47.	Đăng ký kế hoạch đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày tại doanh nghiệp trong KCN	QT-04/DN	01	
48.	Đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp trong KCN	QT-05/DN	01	
49.	Tiếp nhận hệ thống thang bảng lương của các doanh nghiệp trong KCN	QT-06/DN	01	

III. QUY TRÌNH NỘI BỘ

1. Phòng Quản lý doanh nghiệp

50.	Phối hợp thanh kiểm tra việc thực hiện các quy định về lao động, tiền lương, BHXH, PCCN, ANTT, đình công và tranh chấp lao động	QT-NB01/DN	01	
51.	Thu thập và tổng hợp tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp	QT-NB02/DN	01	
52.	Phối hợp với các đơn vị trong ban hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong khu công nghiệp	QT-NB03/DN	01	
53.	Tiếp nhận khai trình sử dụng lao động của DN mới và báo cáo thay đổi lao động 6 tháng đầu năm và 01 năm của DN	QT-NB04/DN	01	

2. Phòng Kế hoạch tổng hợp

54.	Xây dựng kế hoạch về phát triển khu công nghiệp	QT-01/KH	01	
55.	Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và nhu cầu vốn hàng năm của các KCN	QT-02/KH	01	
56.	Xây dựng chương trình công tác, nội dung giao ban đảm bảo tính thống nhất liên tục	QT-03/KH	01	
57.	Quy trình tổ chức các cuộc họp giao ban	QT - 04/KH	01	

3. Văn phòng Ban

58.	Quy trình quản lý công tác văn thư lưu trữ	QT-01/VP	01	
-----	--	----------	----	--

59.	Quy trình quản lý và sử dụng trang thiết bị văn phòng	QT-03/VP	01	
-----	---	----------	----	--